BỘ ĐẶT THỜI GIAN KÉP, KÍCH THƯỚC NHỎ GỌN W38×H42MM

■ Đặc điểm

- Có nhiều loại nguồn cấp:
  100-240VAC 50/60Hz / 24-240VDC (thông dụng),
  24VAC 50/60Hz / 24VDC (thông dụng), 12VDC
- Nhiều chế độ hoạt động ngõ ra (có 6 chế độ hoạt động)
- Nhiều dải đặt thời gian (12 loại dải đặt thời gian)
- Cài đặt định thời ON/OFF riêng biệt
- Lắp đặt DIN rail kề nhau nhờ socket đặc biệt (PS-M8) có chiều rộng 41mm
- Dễ dàng lắp đặt và cài đặt/bảo trì thuận lợi nhờ giá đỡ dành riêng DIN 48×48mm

■ Thông tin đặt hàng

⚠ Vui lòng đọc kỹ "Chú ý an toàn cho bạn" trong hướng dẫn hoạt động trước khi sử dụng thiết bị.

CE c UL us

ATS 8 W – 4 1

※Socket (PG-08, PS-08, PS-M8, PG-11, PS-11): được bán riêng.

Dải thời gian	1	Dải thời gian 1 (0.1~1)
	3	Dải thời gian 3 (0.3~3)
Nguồn cấp	1	12VDC
	2	24VAC / 24VDC
	4	100-240VAC / 24-240VDC
Hoạt động định thời	W	Hoạt động kép (Flicker)
Số chân chốt cắm	8	Loại chốt cắm 8-chân
	11	Loại chốt cắm 11-chân
Mã/Tên sản phẩm	ATS	Bộ đặt thời gian Analog nhỏ gọn

■ Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm		ATS8W-□1	ATS11W-□1	ATS8W-□3	ATS11W-□3
Chức năng		Hoạt động Flicker ON/OFF			
Dải cài đặt thời gian điều khiển		0.1 giây ~ 10 giờ		0.3 giây ~ 30 giờ	
Nguồn cấp		• 100-240VAC 50/60Hz, 24-240VDC (thông dụng)		• 24VAC 50/60Hz, 24VDC (thông dụng)	• 12VDC
Dải điện áp cho phép		90~110% Dải điện áp định mức			
Công suất tiêu thụ		• 100-240VAC: Max. 4.2VA, 24-240VDC: Max. 2W • 24VAC: 4.5VA, 24VDC: 2W • 12VDC: Max. 1.5W			
Thời gian trả về		Max. 100ms			
Hoạt động định thời		Loại Start nguồn ON			
Ngõ ra điều khiển	Loại tiếp điểm	Có thể lựa chọn: Giới hạn thời gian DPDT(2c) hoặc Tức thời SPDT(1c) + Giới hạn thời gian SPDT(1c) tùy theo chế độ hoạt động ngõ ra			
	Công suất tiếp điểm	Tải thuần trở 250VAC 3A			
Tuổi thọ Relay	Cơ khí	Min. 10,000,000 lần hoạt động			
	Điện	Min. 100,000 lần hoạt động (Tải thuần trở 250VAC 3A)			
Sai số lặp lại		Max. ±0.2% ±10ms			
Sai số CÀI ĐẶT		Max. ±5% ±50ms			
Sai số điện áp		Max. ±0.5%			
Sai số nhiệt độ		Max. ±2%			
Trở kháng cách ly		100MΩ (sóng kế mức 500VDC)			
Độ bền điện môi		2000VAC 50/60Hz trong 1 phút			
Chịu nhiễu		Nhiễu sóng vuông ±2kV (độ rộng xung 1μs) gây bởi nhiễu máy móc			
Chấn động	Cơ khí	Biên độ 0.75mm ở tần số 10~55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 1 giờ			
	Sự cố	Biên độ 0.5mm ở tần số 10~55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 10 phút			
Va chạm	Cơ khí	300m/s² (khoảng 30G) theo mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần			
	Sự cố	100m/s² (khoảng 10G) theo mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần			
Môi trường	Nhiệt độ môi trường	-10~55℃, bảo quản: -25~65℃			
	Độ ẩm môi trường	35~85%RH, bảo quản: 35~85%RH			
Chứng nhận		CE c UL us			
Phụ kiện		Giá đỡ			
Trọng lượng		Khoảng 72g			

※Không dùng sản phẩm trong môi trường ngưng tụ hoặc đông đặc.

Codienmiau.com

■ Kết nối

◎ ATS8W

※1: Khi lựa chọn chế độ hoạt động ngõ ra [F2], [N2]
※2: Khi lựa chọn chế độ hoạt động ngõ ra [F1], [F3], [N1], [N3]

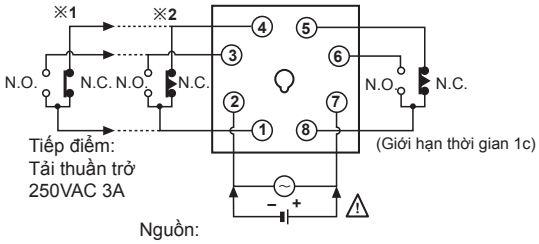

Nguồn:
•100-240VAC 50/60Hz, 24-240VDC
•24VAC 50/60Hz, 24VDC
•12VDC

◎ ATS11W

※3: Khi lựa chọn chế độ hoạt động ngõ ra [F2], [N2]
※4: Khi lựa chọn chế độ hoạt động ngõ ra [F1], [F3], [N1], [N3]

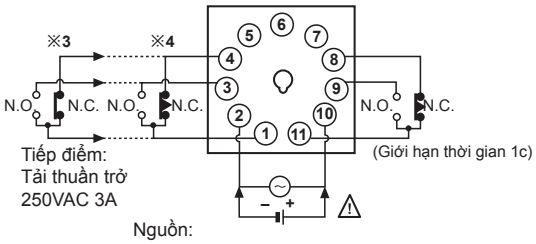

Nguồn:
•100-240VAC 50/60Hz, 24-240VDC
•24VAC 50/60Hz, 24VDC
•12VDC

■ Kích thước

(đơn vị: mm)

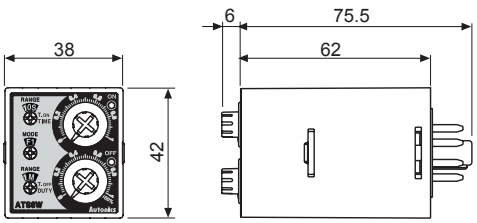

●Mặt cắt bảng lắp

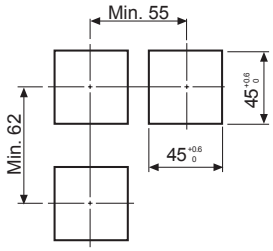

● Giá đỡ

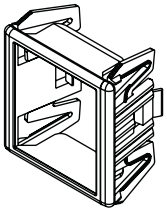

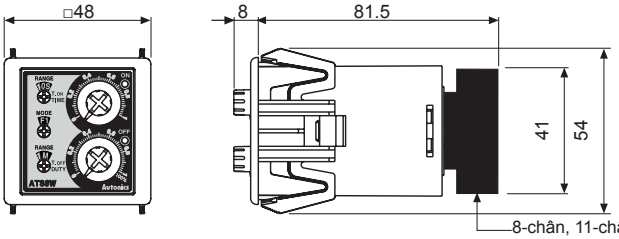

8-chân, 11-chân (socket)
※Tham khảo trang G-15.

■ Mô tả từng phần

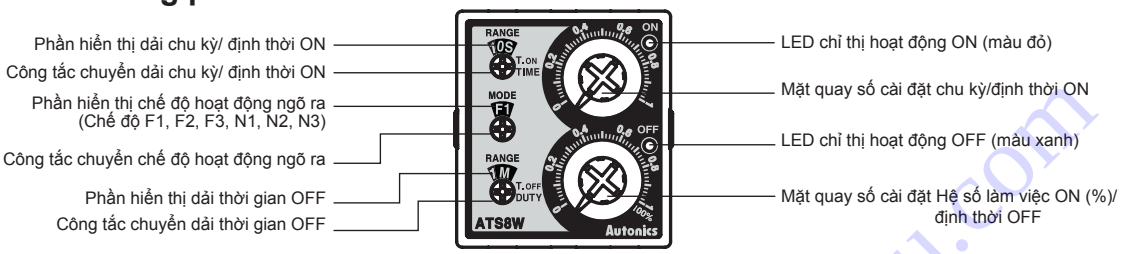

※Xoay công tắc chuyển dải thời gian và công tắc chế độ hoạt động ngõ ra theo chiều kim đồng hồ.

■ Dải thời gian

Dải thời gian	Đơn vị	ATS8W-□1 ATS11W-□1	ATS8W-□3 ATS11W-□3
		Cài đặt dải thời gian	Cài đặt dải thời gian
1S	giây	0.1~1 giây	0.3~3 giây
10S		1~10 giây	3~30 giây
1M	phút	0.1~1 phút	0.3~3 phút
10M		1~10 phút	3~30 phút
1H	giờ	0.1~1 giờ	0.3~3 giờ
10H		1~10 giờ	3~30 giờ

Codienhaiau.com

▣ Chế độ hoạt động ngõ ra

[T_{ON}: Thời gian cài đặt ON, T_{OFF}: Thời gian cài đặt OFF, TIME: Chu kỳ, DUTY : Hệ số làm việc định thời ON, Rt: Thời gian trả về, Rt1>Rt]

Chế độ	Biểu đồ thời gian
F1 **OFF Start Flicker1**	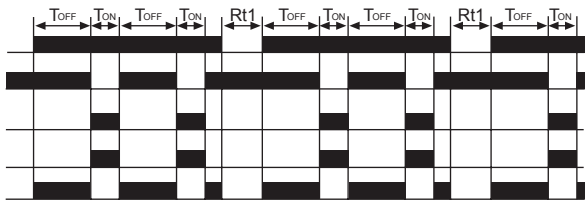
F2 **OFF Start Flicker 2**	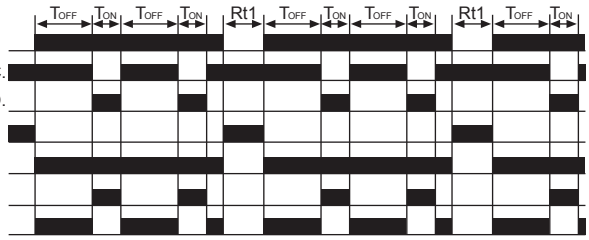
F3 **OFF Start Flicker 3**	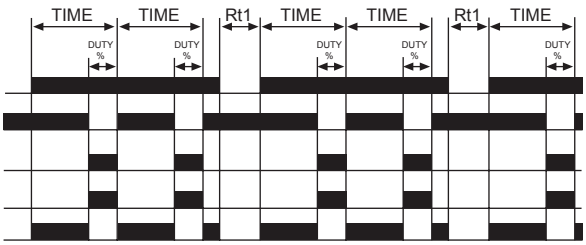
N1 **ON Start Flicker 1**	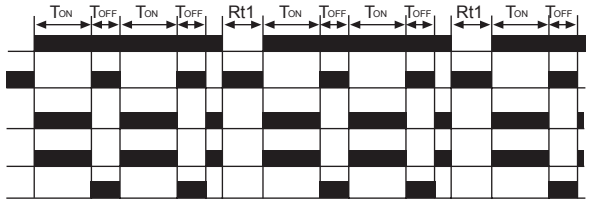
N2 **ON Start Flicker 2**	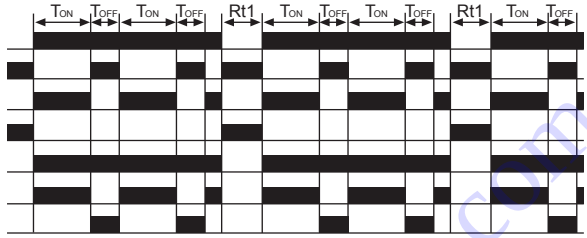
N3 **ON Start Flicker 3**	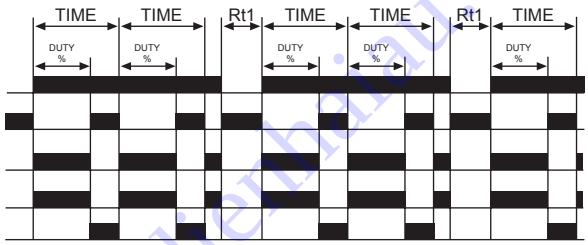

※Nếu cài đặt thời gian quá ngắn, ngõ ra sẽ không làm việc đúng do thời gian đáp ứng của tiếp điểm. Hãy cài đặt giá trị ít nhất 100ms.
※Chế độ F3, N3 hoạt động flicker theo chu kỳ cài đặt (TIME) và Hệ số làm việc ON(%). Dải thời gian ON thay đổi thành dải chu kỳ (TIME) và dải thời gian OFF thay đổi thành Hệ số làm việc ON(%).

Cadienhaiau.com

▣ Hướng dẫn sử dụng

◎ Cách đấu nối chân thiết bị

- Tham khảo phần sơ đồ kết nối để nối dây chính xác.
- Kết nối nguồn
  Đối với kết nối nguồn cho ATS8W/ATS11W Series, với nguồn AC, có thể kết nối mà không cần quan tâm đến cực tính. Nhưng với loại nguồn DC, khi kết nối với nguồn bạn cần phải chú ý tới cực tính.

Nguồn cấp	Loại 8-chân	Loại 11-chân
AC	Chân ② - ⑦	Chân ② - ⑩
DC	Chân ② - ⊖ Chân ⑦ - ⊕	Chân ② - ⊖ Chân ⑩ - ⊕

- Tắt công tắc nguồn và đảm bảo không có điện áp cảm ứng, điện áp dư giữa các chân nguồn của thiết bị. (Nếu mắc dây cáp nguồn song song với đường dây cao thế, dây công suất, có thể xảy ra điện áp cảm ứng giữa các chân nguồn của thiết bị.)
- Đối với loại nguồn DC, dao động điện áp phải dưới 10% và điện áp nguồn phải nằm trong dải điện áp cho phép.
- Hãy sử dụng tiếp điểm như công tắc, relay, v.v...để cấp nguồn tức thời cho thiết bị. Nếu việc cấp nguồn diễn ra quá lâu, có thể xảy ra sai số thời gian bất chấp giá trị cài đặt hoặc không thể Reset được nguồn.
- Tải cho ngõ ra điều khiển phải dưới công suất tải định mức.

◎ Thay đổi thời gian cài đặt, dải thời gian, chế độ hoạt động

Có thể xảy ra sự cố khi thay đổi thời gian cài đặt, dải thời gian hoặc chế độ hoạt động trong khi thiết bị đang hoạt động. Hãy TẮT nguồn và thay đổi thời gian cài đặt, dải thời gian hoặc chế độ hoạt động.

◎ Chung

- Hãy thận trọng khi sử dụng thiết bị này ở nhiệt độ cao trong thời gian dài, vì có thể gây hư hỏng các phần tử bên trong (tụ điện phân cực, v.v...).
- Khi cấp nguồn cho thiết bị, không được đấu dây như (Hình 1). Cách đấu này có thể gây sự cố cho thiết bị do đường đi dòng điện rò ngoại vi từ điện trở và tụ điện.
  Hãy mắc điện trở và tụ điện theo như (Hình 2) để ngăn ngừa khỏi sự cố do dòng điện rò ngoại vi.

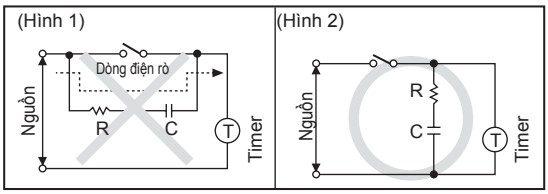

- Hãy tránh dùng thiết bị trong những môi trường sau đây:
- Nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm vượt quá dải thông số kỹ thuật định mức.
- Nơi có sự ngưng tụ khi nhiệt độ thay đổi.
- Nơi có khí gas ăn mòn hoặc khí dễ cháy nổ.
- Nơi có nhiều bụi, dầu hay nhiều chấn động hoặc va chạm.
- Nơi có sử dụng môi trường a-xít hoặc kiềm tính mạnh.
- Nơi có ánh sáng mặt trời trực tiếp chiếu vào.
- Nơi phát ra trường điện từ hoặc nhiễu điện mạnh.

Codienhaiau.com